

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15 – 5 – 2024

V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Khon.

2. Ông Lê Văn Dài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 24 tháng 4 và ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Nguyễn Thanh H, chị Nguyễn Thị Hồng V có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp – hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị Hồng V tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng do được mai mối, sau đó tự nguyện tìm hiểu và có tổ chức đám cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 18/7/2011. Sau khi kết hôn thì vợ chồng về ở bên nhà chị V tại ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng sống chung có hạnh phúc, nhưng vẫn có mâu thuẫn về tiền bạc, ngoài ra chị V thường hay chửi anh H, ghen tuông, nói chuyện thường hay xúc phạm anh H. Đến năm 2019, anh H đi làm xa nên khoảng 01 - 02 tháng thì anh H mới về nhà 01 lần; chị V ở nhà thường hay nói với người bên ngoài là anh H quen biết người khác, đi làm không đưa tiền cho chị V. Trong năm 2023, khi anh chị đang cãi nhau thì chị V thách thức anh H nộp đơn ly hôn. Trong dịp nghỉ lễ 30/4/2023, chị V vì ghen nên đã đánh anh H và người khác tại đám cưới bên nhà bà con anh H, nên từ ngày 30/4/2023 đến nay thì anh H và chị V sống ly thân mà không hàn gắn tình cảm với nhau được; hiện nay anh H không còn tình cảm và không muốn hàn gắn với chị V, nên anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh H ly hôn với chị V.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh H và chị V có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh Q, sinh ngày 11/10/2011. Khi ly hôn, anh H đồng ý giao cháu Q cho chị V được quyền nuôi dưỡng. Tại phiên hòa giải ngày 06/3/2024, anh H đồng ý cấp dưỡng cho cháu Q với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng từ khi Tòa án giải quyết vụ án đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa ngày 24/4/2024 và ngày 15/5/2024, anh H thay đổi yêu cầu khởi kiện về mức cấp dưỡng, anh H đồng ý cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Q với mức cấp dưỡng bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 5/2024 đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Lý do anh H thay đổi mức cấp dưỡng là do mức lương trung bình hiện nay của anh H là 5.000.000 đồng/tháng và thu nhập này là không ổn định, do phụ thuộc vào khối lượng công việc hàng tháng nhiều hay ít; trong khi anh H đang bị bệnh tiểu đường, bệnh tim do tăng huyết áp, mỡ máu cao, tai biến nhẹ, phải uống thuốc điều trị hàng tháng, nên anh H không có khả năng cấp dưỡng với mức 2.000.000 đồng/tháng cho cháu Q.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản phiên họp – hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng V trình bày:*

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị Hồng V tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng do được mai mối, sau đó tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có tổ chức đám cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 18/7/2011. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H đi làm trên xa lan tại tỉnh An Giang, 02 - 03 tháng mới về nhà một lần và có quen biết người phụ nữ khác, nên không quan tâm chị V; chị V đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi. Vào ngày 30/4/2023, anh H dẫn người phụ nữ khác cùng với anh H về quê nhà anh H tại xã L, huyện H nên chị V có đánh anh H và người đi cùng với anh H. Từ ngày 30/4/2023 đến nay thì anh H không có về sống chung với chị V, mỗi khi gặp nhau thì anh H chỉ

chửi mắng chị V mà không có thể hiện ý định hàn gắn với chị V; hiện nay tại nhà chị V thì không còn đồ đạc của anh H. Nay chị V không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H, lý do chị V muốn cháu Q có đủ cha mẹ.

Về con chung: Chị V đồng ý với anh H về việc vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh Q, sinh ngày 11/10/2011. Chị V yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Q đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Tại phiên hòa giải ngày 06/3/2024, chị V đồng ý việc anh Nguyễn Thanh H tự nguyện cấp dưỡng cho con với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng từ khi Tòa án giải quyết vụ án đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa ngày 24/4/2024 và ngày 15/5/2024, chị V thay đổi ý kiến; cụ thể chị V yêu cầu anh H cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Q với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 5/2024 đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Lý do chị V thay đổi mức cấp dưỡng vì khi còn sống chung với chị V thì lương của anh H là 7.000.000 đồng/tháng; hiện nay cháu Q đã lớn, đi học tốn kém nhiều chi phí.

Về tài sản chung: Chị V sẽ yêu cầu về tài sản chung với anh H trong vụ án khác, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy CCCD của anh Nguyễn Thanh H (Bản photo, đã đối chiếu bản chính);
- Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Thị Thanh Q (Bản sao);
- Bản tự khai ngày 05/02/2024 của anh Nguyễn Thanh H (Bản chính);
- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao);
- Bản tự khai ngày 06/3/2024 của con chung Nguyễn Thị Thanh Q (Bản chính);
- Bản sao kê tài khoản tiền gửi của anh Nguyễn Thanh H (Bản chính);
- Kết quả xét nghiệm; Kết quả siêu âm; Đơn mua thuốc; Hóa đơn thu tiền thuốc của anh Nguyễn Thanh H (Bản photo, đã đối chiếu bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng V cư trú tại ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh H yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng V. Chị V không đồng ý ly hôn với anh H, do chị V muốn con chung có đủ cha mẹ.

Xét thấy, anh H và chị V sống chung với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 18/7/2011, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống, anh H và chị V phát sinh mâu thuẫn mà không tự giải quyết với nhau được. Anh H và chị V xác định anh chị đã sống ly thân từ tháng 4/2023 đến nay mà không có hàn gắn tình cảm với nhau được. Anh H xác định do anh chị có mâu thuẫn về tiền bạc, chị V thường hay ghen tuông, nói chuyện thường hay xúc phạm và chửi anh H. Trong dịp nghỉ lễ 30/4/2023, chị V vì ghen nên đã đánh anh H và người khác tại đám cưới bên nhà bà con anh H. Chị V xác định do anh H đi làm trên xà lan tại tỉnh An Giang thì 02 -03 tháng mới về nhà và có quen biết người phụ nữ khác, nên không quan tâm chị V; chị V đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi. Vào ngày 30/4/2023 thì anh H dẫn người phụ nữ khác về quê nhà anh H tại xã L, huyện H, nên chị V có đánh anh H và người đi cùng với anh H.

Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”.

Từ trình bày của anh H và chị V, cho thấy anh H và chị V không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng từ tháng 4/2023 đến nay; hiện nay anh H không còn tình cảm chị V và không muốn hàn gắn, đoàn tụ tình cảm với V; chị V không muốn ly hôn với anh H vì muốn con có đủ cha mẹ. Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa anh H và chị V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; hiện nay anh chị không còn tình cảm với nhau và không trao đổi với nhau được.

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Do đó, anh Nguyễn Thanh H yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng V là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận. Trình bày của chị V về lý do không đồng ý

ly hôn là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Anh H và chị V xác định anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh Q, sinh ngày 11/10/2011. Anh H và chị V tự nguyện thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, theo đó anh H đồng ý giao cháu Q cho chị V được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Hiện nay, cháu Q đang sống chung với chị V từ khi anh H và chị V sống ly thân từ tháng 4/2023 đến nay; chị V đã làm tròn nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và cho cháu Q đi học; anh H cũng xác định cháu Q sống chung với chị V được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt và đang đi học tại trường gần nhà. Mặt khác, cháu Q đã trên 07 tuổi, có văn bản ghi nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với chị V.

Khoản 1, 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Q, đồng thời xem xét nguyện vọng của cháu Q, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của anh H và chị V về việc giao cháu Q cho chị V được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Về mức cấp dưỡng, anh H đồng ý cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Q với mức cấp dưỡng bằng ½ tháng lương cơ sở, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 5/2024 đến khi cháu Q đủ 18 tuổi; chị V yêu cầu anh H cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Q với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng từ tháng 5/2024 đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Xét thấy, hiện nay anh H đã chứng minh được mức lương trung bình của anh H là 5.000.000 đồng/tháng; đồng thời chứng minh được anh H đang phải uống thuốc điều trị bệnh thường xuyên; còn chị V thì không chứng minh được mức lương của anh H.

Khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”.

Do đó, dựa trên thu nhập, khả năng thực tế của anh H, căn cứ quy định

pháp luật tại khoản 1 Điều 116 nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H và không chấp nhận yêu cầu của chị V về mức cấp dưỡng cho cháu Q.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị Hồng V không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; chị Nguyễn Thị Hồng V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh H.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng V.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Thanh Q, sinh ngày 11/10/2011 cho chị Nguyễn Thị Hồng V được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Nguyễn Thị Thanh Q thành niên đủ 18 tuổi. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Q, với mức cấp dưỡng hàng tháng là $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở, thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2024 đến khi cháu Q thành niên đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Thanh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Thanh H không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Nguyễn Thị Hồng V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh Nguyễn Thanh H.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị Hồng V không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Thanh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tổng cộng là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006337 ngày 05/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, anh H phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị Hồng V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 15/5/2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Bình Thành (Đăng ký kết hôn số 109, quyển I, ngày 18/7/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thùy Trang